

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-PT
Ngày 28 - 3 - 2024
V/v Ly hôn, chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 22/2023/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 70/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 353/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Kim H, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền về chia tài sản chung của nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 10, Khu phố 5, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Bị đơn: Ông Vũ Văn L, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, Khu phố 1A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền về chia tài sản chung của bị đơn:

1/. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố 12, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2/. Bà Nguyễn Hồ Thu Th, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1985 (vắng mặt);

2. Ông A Jocic, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: The C, K K, Y 46451, Saudi Arabia.

3. Ông Lê Văn T, sinh năm 1960 (vắng mặt);

4. Bà Bùi Thị K, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ph, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Tr, xã S, huyện X, Đồng Nai

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Vũ Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Lê Kim H trình bày:*

Bà Lê Kim H và ông Vũ Văn L kết hôn với nhau vào tháng 8 năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B. Sau khi kết hôn được vài tháng thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay hai vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đối với các tài sản ông L trình bày là tài sản chung và yêu cầu chia tài sản chung thì bà không đồng ý. Các tài sản này đều là tài sản của con gái bà là Trần Thị Thanh V. Từ khoảng tháng 6/2019 đến tháng 11/2020, chị Trần Thị Thanh V và chồng là anh A Jocic đã nhiều lần gửi tiền về Việt Nam để nhờ bà H mua nhà, đất và một số tài sản khác thông qua phương thức chuyển khoản. Sau khi nhận tiền gửi về, bà H đã sử dụng nguồn tiền này để mua, nhận chuyển nhượng nhiều tài sản từ trước thời kỳ hôn nhân và cả trong thời kỳ hôn nhân với ông L. Bà H chỉ mua, quản lý, đứng tên giùm con gái bà trên các giấy chứng nhận của các tài sản trên nên bà không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của ông L.

** Bị đơn ông Vũ Văn L và đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Anh T trình bày:*

Ông Vũ Văn L và bà Lê Kim H tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian, sau đó thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Xét thấy, cuộc sống của vợ chồng không hòa thuận, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L cũng đồng ý ly hôn với bà Lê Kim H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, ông L và bà H có các tài sản chung gồm:

1. Quyền sử dụng đất 20.550,3m² tại thửa 76, tờ bản đồ 14 xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CV 385488 ngày 17/4/2020 đứng tên bà Lê Kim H.

2. Quyền sử dụng đất 277,7m² tại thửa 274, tờ bản đồ 11 xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai, được cấp GCNQSDĐ số CV 927072 ngày 17/6/2020 đứng tên bà Lê Kim H.

3. Quyền sử dụng đất 1.287,6m² tại thửa 784, tờ bản đồ 3 xã L, huyện Th, tỉnh Đồng Nai, được cấp GCNQSDĐ số CX 811119 ngày 25/8/2020 đứng tên bà Lê Kim H.

4. Quyền sử dụng đất 1.039,5m² tại thửa 743, tờ bản đồ 3 xã L, huyện Th, tỉnh Đồng Nai, được cấp GCNQSDĐ số CX 811117 ngày 25/8/2020 đứng tên bà Lê Kim H.

5. Quyền sử dụng đất 3.973m² tại thửa 763, tờ bản đồ 3 xã L, huyện Th, tỉnh Đồng Nai, được cấp GCNQSDĐ số CX 811118 ngày 25/8/2020 đứng tên bà Lê Kim H.

6. Quyền sử dụng đất 2838,8m² tại thửa 744, tờ bản đồ 3 xã L, huyện Th, tỉnh Đồng Nai, được cấp GCNQSDĐ số CX 811116 ngày 25/8/2020 đứng tên bà Lê Kim H.

7. Quyền sử dụng đất 17.854,2m² tại thửa 199, tờ bản đồ 64 xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai, được cấp GCNQSDĐ số CS 802925 ngày 09/8/2019 đứng tên bà Lê Kim H.

8. Xe ô tô 04 chỗ hiệu Mazda 3 biển kiểm soát S.

Các tài sản chung này đều do bà H đang quản lý, sử dụng. Ông L yêu cầu được hưởng ½ giá trị tài sản với những tài sản chung trên.

Về nợ chung: Không có.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thanh V, anh A Jovic trình bày:*

Anh A Jovic và chị Trần Thị Thanh V là con gái và con rể của bà Lê Kim H. Anh chị được biết bà H có yêu cầu ly hôn với ông Vũ Văn L. Đối với các tài sản là các quyền sử dụng đất và 01 chiếc xe ô tô hiệu Mazda 3 mà ông L khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung giữa ông L và bà H thì anh A Jovic và chị V không đồng ý. Vì tất cả các tài sản trên không phải là tài sản chung của ông L và bà H mà là tài sản do anh chị đã gửi tiền về nhờ mẹ anh chị là bà H mua và đứng tên giùm, khi nào chị V về Việt Nam thì bà H sẽ sang tên lại cho chị. Việc chị V gửi tiền cho bà H đều có các hóa đơn, chứng từ. Bà H và ông L chỉ mới kết hôn hơn 01 năm và bà H, ông L không có tài sản và nguồn thu nhập nào. Do đó ông L và bà H không có tài sản chung

và yêu cầu chia tài sản chung của ông L là không có căn cứ. Do ở xa nên anh A Jovic và chị V đề nghị giải quyết vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T, bà Bùi Thị K trình bày:*

Vợ chồng ông T, bà K không có quan hệ gì với vợ chồng ông L, bà H. Chỉ là trước đây ông T, bà K có trồng cây và giữ đất cho chủ cũ của thửa đất 199, tờ bản đồ 64, xã S, huyện X. Sau khi ông L, bà H mua đất thì tiếp tục cho ông T, bà K canh tác và giữ đất. Việc giữ đất không được trả công mà ông T, bà K chỉ hưởng lợi từ việc trồng trọt trên đất. Hiện trên đất có khoảng 20 cây điều được 05 năm tuổi, 7.000 cây tràm được 02 năm tuổi và 01 chòi mái tole để chứa ve chai, xung quanh đất có hàng rào lưới B40 và cọc bê tông do ông T, bà K trồng và xây dựng. Các tài sản trên đất đều là tài sản của ông T, bà K. Trong trường hợp Tòa án giải quyết chia tài sản là quyền sử dụng đất trên thì ông T, bà K đề nghị ông L, bà H thanh toán lại giá trị 20 cây điều, hàng rào B40, cọc bê tông theo giá trị chứng thư thẩm định giá và tiền giống 7.000 cây tràm là 7.000.000đ, tiền thuốc và tiền công trồng, công xit thuốc 15.000.000đ, tổng cộng 22.000.000đ. Do ở xa nên ông T, bà K đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 70/2023/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Kim H. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Kim H và ông Vũ Văn L.
2. Về con chung: không có nên không xem xét.
3. Về nợ chung: không có nên không xem xét.
4. Về tài sản chung: Không có nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn L về việc chia tài sản chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/6/2023, ông Vũ Văn L có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc chia tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn L trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông L với lý do thời điểm nhận chuyển nhượng các tài sản tranh chấp thì ông L và bà H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà H chỉ xuất trình được sổ ghi chép cá nhân nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lời trình bày của bà H, cho rằng các tài sản tranh chấp do con của bà H gửi tiền về nhờ mua và đứng tên giùm là không có căn cứ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham

gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bà H xuất trình được sao kê tài khoản chuyển tiền từ nước ngoài về, sổ ghi chép chuyển tiền, sử dụng tiền do con gái bà H gửi về và file ghi âm ông L thừa nhận các tài sản tranh chấp do con bà H gửi từ nước ngoài về mua, nhờ đứng tên giùm. Ông L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cùng bà H mua tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của ông L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Vũ Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Vũ Văn L làm trong hạn luật định, là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Vũ Văn L cho rằng trong thời kỳ hôn nhân ông L và bà H đã cùng nhau tạo lập được 07 quyền sử dụng đất và 01 xe ô tô nên có yêu cầu chia tài sản chung với bà H khi ly hôn. Bà H xác định các tài sản trên do con gái bà là chị Trần Thị Thanh V gửi tiền từ nước ngoài về mua, nhờ bà đứng tên giùm; không phải là tài sản bà và ông L tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

[2.2] Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa 199 tờ bản đồ 64, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai: Về nguồn gốc đất, ngày 10/9/2019 bà Lê Kim H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đàm L và bà Nguyễn Thị Nam H. Ngày 27/9/2019, bà H và ông L kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa 199 là tài sản bà H có trước khi kết hôn với ông L nên là tài sản riêng của bà H. Ông L khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa 199 tờ bản đồ 64, xã S, huyện X là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với tài sản là các quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại các thửa 76 tờ bản đồ 14 xã S, thửa 274 tờ bản đồ 11 xã B; thửa 743, 744, 763, 784 tờ bản đồ 03 xã L và chiếc xe ô tô 04 chỗ hiệu Mazda 3 biển kiểm soát S, hồ sơ vụ án thể hiện:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa 76 tờ bản đồ 14 xã S, huyện X do bà Lê Kim H ký hợp đồng nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị L và ông Phan Hữu L ngày 17/3/2020.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa 274 tờ bản đồ 11 xã B, huyện X do bà Lê Kim H ký hợp đồng nhận chuyển nhượng của bà ông Tsàn A T ngày 08/6/2020.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại các thửa 743, 744, 763, 784 tờ bản đồ 03 xã L, huyện Th do bà Lê Kim H ký hợp đồng nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hữu Kỳ ngày 05/8/2020.

+ Chiếc xe ô tô 04 chỗ hiệu Mazda 3 biển kiểm soát S đứng tên bà Lê Kim H được đăng ký mới ngày 09/12/2019, được thanh toán tiền mặt từ ngày 27/11/2019.

Mặc dù các tài sản trên đều có nguồn gốc nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông L. Tuy nhiên, bà H xác định số tiền nhận chuyển nhượng các tài sản trên do con bà H là chị Trần Thị Thanh V và con rể là anh A Jovic gửi tiền về mua, nhờ bà đứng tên giữ. Toàn bộ quá trình gửi tiền, mua sắm tài sản đều được bà H ghi chép trong sổ thu chi thể hiện cụ thể số tiền nhận của vợ chồng chị V: nhận bao nhiêu tiền, vào ngày tháng năm nào, bằng loại tiền gì và đã chi vào việc mua sắm những tài sản nào. Nội dung sổ thu chi mà bà H xuất trình cho Tòa án phù hợp với lời khai của bà, của anh A Jovic và chị Trần Thị Thanh V cũng như thông tin sao kê tại Ngân hàng. Ngoài ra, bà H còn cung cấp được các file ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà và ông L liên quan đến vấn đề tài sản. Mặc dù ông L không thừa nhận nội dung ghi âm này nhưng qua giám định cho thấy: giọng nói trong băng ghi âm đúng là của ông L và ông L cũng đã thừa nhận trong nội dung ghi âm những tài sản trên là tài sản riêng của bà H, việc ông chưa ký xác nhận cho bà H là do ông sợ bà ly hôn với ông. Ông L và bà H kết hôn năm 2019; quyền sử dụng đất được nhận chuyển nhượng thời điểm năm 2020; ông L cho rằng nguồn tiền nhận chuyển nhượng tài sản là của ông L và bà H nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giao tiền cho bà H; cũng như nguồn tiền mà ông và bà H có để tạo lập các tài sản này.

Đối với số tiền mà bà H mua xe ô tô 04 chỗ hiệu Mazda cũng có nguồn gốc do vợ chồng chị V gửi về cho bà và cho đến nay thì hàng tháng bà H là người trực tiếp trả góp số tiền mua xe cho đại lý thông qua tài khoản của cá nhân bà và được ghi chép đầy đủ, cụ thể trong cuốn sổ thu chi nói trên. Ông L cho rằng số tiền mua xe là của hai vợ chồng, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, ông L không xác định được số tiền đã trả trước, cũng như số tiền hàng tháng phải trả để mua xe là bao nhiêu.

Vì vậy, việc ông L cho rằng các tài sản trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông L, bà H và yêu cầu được chia tài sản chung là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết có căn cứ, đúng quy định pháp luật; kháng cáo của ông Vũ Văn L không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Vũ Văn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông L là người cao tuổi nên được miễn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn L. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 70/2023/HNGĐ-ST ngày 08/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Kim H. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Kim H và ông Vũ Văn L.

2/. Về con chung: không có nên không xem xét.

3/. Về nợ chung: không có nên không xem xét.

4/. Về tài sản chung: không có nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn L về việc chia tài sản chung.

5/. Về án phí, chi phí tố tụng sơ thẩm:

Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0007204 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông L là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng sơ thẩm: ông L chịu 143.928.803 đồng (đã nộp xong).

6/. Về án phí phúc thẩm: Ông L được miễn nộp.

7/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Dương sự (6);
- Lưu: HSVA (2), VT(3) 16B LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy